TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2022
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn H*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V , TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Lý;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu;

2. Bà Dương Thị Lanh.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Tho - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 97/2022/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXX - ST ngày 11 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2022/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Địa chỉ chỗ ở hiện nay: Thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Anh Đặng Văn H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2022, bản tự khai đề ngày 18 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị H trình bày:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Văn H kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 24 tháng 12 năm 2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh H chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình sa sút, kinh tế ai làm người đó tự chi tiêu. Nếu chị không đưa tiền cho anh H thì anh H lại đánh, chửi chị. Hai bên không có sự gần gũi, quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau, tình cảm vợ chồng rất lạnh nhạt. Đến năm 2018, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống tại thôn H, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình với mong muốn hai bên có thêm thời gian để nhìn nhận lại bản thân và xác định lại tình cảm của mình nhưng tình trạng hôn nhân giữa chị và anh H ngày một xấu đi. Do thương con còn nhỏ nên chị đã cho anh H một cơ hội, chị quay về chung sống cùng anh H từ tháng 01năm 2021 đến tháng 02 năm 2022 nhưng anh H vẫn ham mê lô đề, cờ bạc, không thay đổi. Vì vậy, chị đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ ngày 10 tháng 02 năm 2022 đến nay. Vợ chồng sống ly thân nhau từ thời gian đó. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

1.2 Về nuôi con chung: Chị và anh Đặng Văn H có 01con chung là Đặng Quốc K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con K và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về chia tài sản chung: Chị không không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng chị không có khoản vay nợ chung ai hay bất cứ cơ quan, tổ chức xã hội nào và không cho ai vay nợ gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 14 tháng 6 năm 2022, bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của chị H) trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời điểm và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị H và anh H đúng như chị H đã trình bày. Từ ngày 10 tháng 02 năm 2022 đến nay, chị H đã về nhà bà sinh sống. Anh chị sống ly thân nhau từ thời điểm đó, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh H, bản thân bà không mong muốn vợ chồng chia ly để cháu K thiếu vắng tình cảm của cha mẹ. Nhưng do anh H không biết ăn năn, hối lỗi và chị H đã quyết định ly hôn nên đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H, để chị H được ly hôn anh H.

Về con chung: Bà đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Quốc K cho chị H nuôi dưỡng vì từ nhỏ chị H đã là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Gia đình bà cũng sẽ tạo mọi điều kiện hỗ trợ để chị H chăm sóc tốt cho cháu K.

Về tài sản chung của vợ chồng chị H, bà không rõ cụ thể. Về nợ chung: Bà T cung cấp: Anh chị không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay tổ chức nào.

3.Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 15 tháng 6 năm 2022, ông Đặng Văn H (là bố đẻ của anh H) trình bày như sau: Sau khi kết hôn, anh H và chị H chung sống với nhau tại gia đình ông. Vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 6 năm 2021 thì chị H thay đổi tính tình, không còn dành tình cảm cho anh H nữa. Vì lý do đó, anh chị mới không còn hạnh phúc. Đầu năm 2022, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Việc chị H khởi kiện xin ly hôn, anh Hiến đã biết được và có nói chuyện lại với ông quan điểm của anh H là mong muốn chị H cho anh H một cơ hội để vợ chồng đoàn tụ. Bản thân ông cũng có suy nghĩ như anh H. Tuy nhiên, đến nay chị H vẫn không thay đổi nên anh H và ông cũng tôn trọng quyết định của chị H.

Về con chung: Ông đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Quốc K cho anh H nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh H không có tài sản chung, không có khoản vay nợ chung đối với cá nhân hay cơ quan, tổ chức xã hội nào.

Về việc giao nhận văn bản tố tụng của Tòa án, ông H trình bày: Việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo đơn khởi kiện của chị H, anh H đã biết. Các văn bản tố tụng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi có Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tài liệu do chị H giao nộp cho Tòa án mà Tòa án gửi cho anh H, ông đã nhận thay cho anh H. Sau mỗi lần nhận được ông đều giao lại tận tay ngay cho anh H. Do anh H làm thợ sơn, thường xuyên không có mặt ở nhà nên ông đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng và tài liệu cho anh H thông qua ông. Ông sẽ nhận thay cho anh H và cam kết giao lại tận tay hoặc thông báo lại ngay cho anh H biết.

Tuy nhiên, tại Biên bản làm việc ngày 11 tháng 7 năm 2022, ông H thay đổi quan điểm như sau: Đối với các văn bản gồm: Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ông từ chối không nhận thay cho anh H. Đồng thời, từ thời điểm này ông cũng đề nghị Tòa án không gửi tài liệu cho anh H thông qua ông và gia đình ông nữa. Do anh H thường xuyên không có ở nhà nên Tòa án không thể gặp, làm việc và giao nhận các văn bản tố tụng cho anh H. Ông đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của vợ chồng anh H theo quy định của pháp luật.

4. Tòa án đã gửi Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Đặng Văn H thông qua dịch vụ bưu chính. Anh H đã nhận được và ký tên trong Giấy báo phát nhưng anh H không đến tham gia phiên tòa. Do vậy tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa đã giao trực tiếp cho anh H, anh H ký nhận vào ngày 09 tháng 8 năm 2022.

5. Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, địa phương cung cấp như sau: Quá trình chung sống, vợ chồng chị H hòa thuận được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Anh H là người không tu chí làm ăn, hay chơi lô đề cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình không tập trung, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Địa phương kết hợp với cơ sở thôn đã nhiều lần vận động, giáo dục anh H nhưng anh H không thay đổi. Từ đầu năm 2022, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở xã M, huyện V sinh sống. Nay chị H khởi kiện xin ly hôn anh H, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao cháu Đặng Quốc K cho chị H nuôi dưỡng. Bản thân chị H có thu nhập khá ổn định để đảm bảo cho việc nuôi con. Về tài sản của chị H, anh H: Địa phương được biết vợ chồng chị H không có tài sản gì chung; cũng không vay nợ chung tổ chức xã hội nào tại địa phương.

Ngoài ra, địa phương còn cung cấp thêm: Anh H hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Anh H làm thợ sơn và thường xuyên không có mặt ở nhà vào giờ hành chính.

**** Tại phiên tòa đại diện VKSND huyện V phát biểu quan điểm***:

- Về tố tụng: Thẩm phán và HĐXX, nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự,Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Văn H .

+ Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Quốc K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

+ Về chia tài sản chung: Do chưa có lời trình bày của anh H, chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

+ Án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

1.Về thủ tục tố tụng:

[**1.1**] Chị Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Đặng Văn H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V.

[**1.2**] Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị H có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2.Về nội dung:

[**2.1**] **Quan hệ hôn nhân**: Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn H đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình ngày 24 tháng 12 năm 2012 là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng không hạnh phúc do anh H không tu chí làm ăn, kinh tế gia đình cũng không có sự thống nhất. Hai bên mâu thuẫn đã lâu, mặc dù chị H đã cho anh H cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị H và anh H sống ly thân mỗi người một nơi từ đầu năm 2022 đến nay. Khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, mặc dù anh H vẫn đang có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc, cũng không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để thể hiện quan điểm, nguyện vọng của anh H. Điều này chứng tỏ anh H cũng không thực sự mong muốn vợ chồng đoàn tụ.

Qua xác minh tại UBND xã T và lấy lời khai của người làm chứng cũng thể hiện: Chị H và anh H sống ly thân mỗi người một nơi.

Xét thực trạng quan hệ vợ chồng của chị H và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Văn H.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Đặng Quốc K và đã giao nộp cho Tòa án Hợp đồng lao động kèm theo Đơn xin xác nhận để chứng minh mức thu nhập hiện nay của chị H trong 05 tháng liên tiếp

liền kề, kể từ tháng 11 năm 2021 đến tháng 3 năm 2022 là từ 7,6 triệu đồng đến 9,3 triệu đồng/tháng. Anh H không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung căn cứ vào Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao con K cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp. Chị H không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết.

[**2.3**] **Về chia tài sản chung**: Do chưa có lời trình bày của anh H, chị H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Chị H và anh H có quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án:

1.Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Đặng Văn H.

2.Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Quốc K, sinh ngày 13 tháng 9 năm 2013. Ghi nhận việc chị H không yêu cầu anh Đặng Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Chị H, anh H có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.Về chia tài sản chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0001179 ngày 18 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị H và anh Đặng Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện V;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Thái Bình; (GCNKH số 59 ngày 24/12/2012).
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa

(Đã ký)